

Số: 36/2024/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 14 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T** – Sinh ngày 02/04/1985

Bị đơn: Anh **Vi Văn S** – Sinh ngày 05/07/1987

Cùng trú tại địa chỉ: **Bản H, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hà Thị T** và anh **Vi Văn S**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Các đương sự công nhận và thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 03 con chung, tên các cháu là **Vi Thị L** (sinh ngày 08/04/2005), cháu **Vi Văn Q** (sinh ngày

12/04/2007) và cháu **Vi Anh Q1** (sinh ngày 20/10/2010), các cháu phát triển bình thường về thể chất, trí lực. Quá trình giải quyết vụ án, cháu **Vi Văn Q** có nguyện vọng là muốn sống cùng mẹ, cháu **Vi A Q1** có nguyện vọng là muốn sống cùng bố; chị **T** và anh **S** thỏa thuận giao cháu **Vi Văn Q** cho chị **Hà Thị T**, giao cháu **Vi A Q1** cho anh **Vi Văn S** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu **Vi Thị L** đã trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động và hoàn toàn khoẻ mạnh nên Toà án không xem xét.

- Chị **T** và anh **S** thống nhất các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tới khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị **T**, anh **S** có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị **T** tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Trả lại cho chị **Hà Thị T** số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) sau khi trừ vào số tiền chị **T** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006476 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyền số 02 ngày 25/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **Q**, tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa (03 bản);
- Chi cục THADS H. Quan Hóa;
- UBND xã Hiền Kiệt, H. Quan Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh